

BỘ TÀI CHÍNH

Số: 68/2009/TT-BTC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 3 tháng 4 năm 2009

THÔNG TƯ

Về việc sửa đổi mã số và mức thuế suất thuế nhập khẩu đối với
nhóm 03.06 và nhóm 03.07 trong Biểu thuế xuất khẩu,
Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi

Căn cứ Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 45/2005/QH11 ngày 14 tháng 06 năm 2005;

Căn cứ Nghị quyết số 295/2007/NQ-UBTVQH12 ngày 28/9/2007 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc ban hành Biểu thuế xuất khẩu theo danh mục nhóm hàng chịu thuế và khung thuế suất đối với từng nhóm hàng, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi theo danh mục nhóm hàng chịu thuế và khung thuế suất ưu đãi đối với từng nhóm hàng;

Căn cứ Nghị định số 149/2005/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chi tiết mã số và thuế suất thuế nhập khẩu đối với mặt hàng thuộc nhóm 03.06, 03.07 tại Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi như sau:

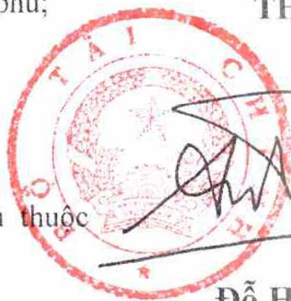
Điều 1. Chi tiết thêm mã số và điều chỉnh thuế suất thuế nhập khẩu đối với các mặt hàng thuộc nhóm 03.06, 03.07 trong Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi ban hành kèm Quyết định số 123/2008/QĐ-BTC ngày 26/12/2008 thành mã số và thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi mới quy định tại Danh mục ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực và áp dụng cho các Tờ khai Hải quan hàng hoá nhập khẩu đăng ký với cơ quan Hải quan kể từ ngày 08 tháng 4 năm 2009./. *Tung*

Nơi nhận:

- Thủ tướng và các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện kiểm sát NDTC, Tòa án NDTC;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Tài chính;
- Cục Hải quan tỉnh, thành phố;
- Công báo;
- Website Chính phủ và Website Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, Vụ CST.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Đỗ Hoàng Anh Tuấn
Đỗ Hoàng Anh Tuấn



**DANH MỤC THUẾ SUẤT THUẾ NHẬP KHẨU MỘT SỐ MẶT HÀNG
TRONG BIỂU THUẾ NHẬP KHẨU ƯU ĐÃI**

(Ban hành kèm theo Thông tư 68/2009/TT-BTC ngày 3/4/2009 của Bộ Tài chính)

03.06				Động vật giáp xác, đã hoặc chưa bóc mai, vỏ, sống, tươi, ướp lạnh, đông lạnh, sấy khô, muối hoặc ngâm nước muối; động vật giáp xác chưa bóc mai, vỏ, đã hấp chín hoặc luộc chín trong nước, đã hoặc chưa ướp lạnh, đông lạnh, sấy khô, muối, hoặc ngâm nước muối; bột thô, bột mịn và bột viên của động vật giáp xác, thích hợp dùng làm thức ăn cho người.	
				- Đông lạnh:	
0306	11	00	00	-- <i>Tôm hùm đá và các loại tôm biển khác (Palinurus spp., Panulirus spp., Jasus spp.)</i>	0
0306	12	00	00	-- <i>Tôm hùm (Homarus spp.)</i>	0
0306	13	00		-- Tôm Shrimps và tôm Pan-đan (prawns):	
0306	13	00	10	--- <i>Tôm sú, tôm thẻ chân trắng</i>	21
0306	13	00	90	--- <i>Loại khác</i>	0
0306	14	00	00	-- <i>Cua</i>	0
0306	19	00	00	-- <i>Loại khác, kể cả bột mịn, bột thô và bột viên của động vật giáp xác, thích hợp dùng làm thức ăn cho người.</i>	0
				- Không đông lạnh:	
0306	21			-- Tôm hùm đá và các loại tôm biển khác (Palinurus spp., Panulirus spp., Jasus spp.):	
0306	21	10	00	--- <i>Đề làm giống</i>	0
0306	21	20	00	--- <i>Loại khác, sống</i>	0
0306	21	30	00	--- <i>Tươi hoặc ướp lạnh</i>	0
				--- <i>Loại khác:</i>	
0306	21	91	00	---- <i>Trong hộp kín</i>	0
0306	21	99	00	---- <i>Loại khác</i>	0
0306	22			-- Tôm hùm (Homarus spp.):	
0306	22	10	00	--- <i>Đề làm giống</i>	0
0306	22	20	00	--- <i>Loại khác, sống</i>	0
0306	22	30	00	--- <i>Tươi hoặc ướp lạnh</i>	0
				--- <i>Khô:</i>	
0306	22	41	00	---- <i>Trong hộp kín</i>	0

0306	22	49	00	----- <i>Loại khác</i>	0
				--- Loại khác:	
0306	22	91	00	----- <i>Trong hộp kín</i>	0
0306	22	99	00	----- <i>Loại khác</i>	0
0306	23			-- <i>Tôm Shrimps và tôm Pan-đan (prawns):</i>	
0306	23	10	00	--- <i>Để làm giống</i>	0
0306	23	20	00	--- <i>Loại khác, sống</i>	0
0306	23	30		--- <i>Tươi hoặc ướp lạnh:</i>	
0306	23	30	10	----- <i>Tôm sú và tôm thẻ chân trắng</i>	21
0306	23	30	90	----- <i>Loại khác</i>	0
				--- <i>Khô:</i>	
0306	23	41	00	----- <i>Trong hộp kín</i>	0
0306	23	49	00	----- <i>Loại khác</i>	0
				--- Loại khác:	
0306	23	91	00	----- <i>Trong hộp kín</i>	0
0306	23	99	00	----- <i>Loại khác</i>	0
0306	24			-- <i>Cua:</i>	
0306	24	10	00	--- <i>Sống</i>	0
0306	24	20	00	--- <i>Tươi hoặc ướp lạnh</i>	0
				--- Loại khác:	
0306	24	91	00	----- <i>Trong hộp kín</i>	0
0306	24	99	00	----- <i>Loại khác</i>	0
0306	29			-- <i>Loại khác, kể cả bột mịn, bột thô và bột viên của động vật giáp xác, thích hợp dùng làm thức ăn cho người:</i>	
0306	29	10		--- <i>Sống:</i>	
0306	29	10	10	----- <i>Loại bột mịn, bột thô và bột viên</i>	23
0306	29	10	90	----- <i>Loại khác</i>	0
0306	29	20		--- <i>Tươi hoặc ướp lạnh:</i>	
0306	29	10	10	----- <i>Loại bột mịn, bột thô và bột viên</i>	23
0306	29	10	90	----- <i>Loại khác</i>	0
				--- Loại khác:	
0306	29	91	00	----- <i>Trong hộp kín</i>	0
0306	29	99	00	----- <i>Loại khác</i>	0

03.07				Động vật thân mềm, đã hoặc chưa bóc mai, vỏ, sống, tươi, ướp lạnh, đông lạnh, sấy khô, muối hoặc ngâm nước muối; các loại động vật thủy sinh không xương sống, trừ động vật giáp xác, thân mềm, sống, tươi, ướp lạnh, sấy khô, muối hoặc ngâm nước muối; bột thô, bột mịn và bột viên của động vật thủy sinh không xương sống, trừ động vật giáp xác, thích hợp dùng làm thức ăn cho người.	
0307	10			- Hàu:	
0307	10	10	00	-- <i>Sống</i>	0
0307	10	20	00	-- <i>Tươi, ướp lạnh hoặc đông lạnh</i>	0
0307	10	30	00	-- <i>Khô, muối hoặc ngâm nước muối</i>	0
				- Điệp, kể cả điệp nữ hoàng thuộc giống Pecten, Chlamys hoặc Placopecten:	
0307	21			-- <i>Sống, tươi hoặc ướp lạnh:</i>	
0307	21	10	00	--- <i>Sống</i>	0
0307	21	20	00	--- <i>Tươi hoặc ướp lạnh</i>	0
0307	29			-- Loại khác:	
0307	29	10	00	--- <i>Đông lạnh</i>	0
0307	29	20	00	--- <i>Khô, muối hoặc ngâm nước muối</i>	0
				- Vẹm (Mytilus spp., Perna spp.):	
0307	31			-- <i>Sống, tươi hoặc ướp lạnh:</i>	
0307	31	10	00	--- <i>Sống</i>	0
0307	31	20	00	--- <i>Tươi hoặc ướp lạnh</i>	0
0307	39			-- Loại khác:	
0307	39	10	00	--- <i>Đông lạnh</i>	0
0307	39	20	00	--- <i>Khô, muối hoặc ngâm nước muối</i>	0
				- Mực nang (Sepia officinalis, Rossia macrosoma, Sepiola spp.) và mực ống (Ommastrephes spp., Loligo spp., Nototodarus spp., Sepioteuthis spp.):	
0307	41			-- <i>Sống, tươi hoặc ướp lạnh:</i>	
0307	41	10	00	--- <i>Sống</i>	0
0307	41	20	00	--- <i>Tươi hoặc ướp lạnh</i>	22
0307	49			-- Loại khác:	
0307	49	10	00	--- <i>Đông lạnh</i>	22
0307	49	20	00	--- <i>Khô, muối hoặc ngâm nước muối</i>	0

				- Bạch tuộc (Octopus spp.):	
0307	51			- - Sống, tươi hoặc ướp lạnh:	
0307	51	10	00	--- Sống	0
0307	51	20	00	--- Tươi hoặc ướp lạnh	22
0307	59			-- Loại khác:	
0307	59	10	00	--- Đông lạnh	22
0307	59	20	00	--- Khô, muối hoặc ngâm nước muối	0
0307	60			- Ốc, trừ ốc biển:	
0307	60	10	00	-- Sống	0
0307	60	20	00	-- Tươi, ướp lạnh hoặc đông lạnh	0
0307	60	30	00	-- Khô, muối hoặc ngâm nước muối	0
				- Loại khác, kể cả bột mịn, bột thô và bột viên của động vật thủy sinh không xương sống, trừ động vật giáp xác, thích hợp dùng làm thức ăn cho người:	
0307	91			- - Sống, tươi hoặc ướp lạnh:	
0307	91	10		--- Sống:	
0307	91	10	10	---- Loại bột mịn, bột thô và bột viên	22
0307	91	10	90	---- Loại khác	0
0307	91	20		--- Tươi hoặc ướp lạnh:	
0307	91	20	10	---- Loại bột mịn, bột thô và bột viên	22
0307	91	20	90	---- Loại khác	0
0307	99			-- Loại khác:	
0307	99	10	00	--- Đông lạnh:	
0307	91	10	10	---- Loại bột mịn, bột thô và bột viên	22
0307	91	10	90	---- Loại khác	0
0307	99	20	00	--- Hải sâm beches-de-mer (trepang), khô, muối hoặc ngâm nước muối	0
0307	99	90		--- Loại khác:	
0307	91	10	10	---- Loại bột mịn, bột thô và bột viên	22
0307	91	10	90	---- Loại khác	0